TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST. Ngày 26 - 12 - 2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1995; ĐKTT: Xóm 3, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình H1, sinh năm 1989; cư trú tại xóm 3, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X– Tổng cục 8 – Bộ Công an (địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt tại phiên toà (có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình H1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ

anh H1 ở xóm 3, thôn T, xã L, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Năm 2016, do có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy nên anh H1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và anh H1 đang thi hành án phạt tù tại Đội 20, Phân trại số 2, Trại giam X. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay chị Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Đình Hiếu N – sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014, con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị đơn anh Trần Đình H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị Lê Thị H đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố, mẹ đẻ anh ở xóm 3, thôn T, xã L, huyện A. Trong thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016, do có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy nên anh đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 20 năm tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", anh đang thi hành án phạt tù tại Đội 20, Phân trại số 2, Trại giam X. Nay chị Lê Thị H có đơn xin ly hôn, anh có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Lê Thị H đã trình bày là đúng. Ly hôn do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lê Thị H

được ly hôn với anh Trần Đình H1; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Trần Đình Hiếu N – sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh H1 cho chị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Anh Trần Đình H1 có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Đình H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1 kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; việc anh Trần Đình H1 trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn là không có căn cứ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1 có 01 con chung Trần Đình Hiếu N – sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014, con chung hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị H và anh H1 đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ và quan điểm của các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; giao con chung Trần Đình Hiếu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh H1 cho chị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Đình H1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Đình Hiếu N – sinh ngày 10 tháng 4 năm 2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Trần Đình H1 cho chị Lê Thị H, khi nào chị H có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0007351 ngày 18 tháng 10 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch